

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

“b) Một (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3b ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 4.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 55 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP lập hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Quy trình triển khai, tiếp nhận, trao đổi, phản hồi thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp hệ thống xử lý chuyên ngành chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Giấy xác nhận có thời hạn ba (03) năm kể từ ngày cấp và theo mẫu quy định tại Phụ lục 8a, 8b ban hành kèm theo Thông tư này”.

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

“b) Một (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3b ban hành kèm theo Thông tư này;”

6. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 như sau:

“b) Một (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3c ban hành kèm theo Thông tư này;”

7. Sửa đổi khoản 7 Điều 7 như sau:

“7. Trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 2c ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Công thông tin một cửa quốc gia. Quy trình triển khai, tiếp nhận, trao đổi, phản hồi thông tin trên Công thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp hệ thống xử lý chuyên ngành chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Thời hạn cấp lại Giấy xác nhận là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân.”.

8. Sửa đổi khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Sau khi tiến hành phân tích mẫu phế liệu nhập khẩu để thử nghiệm, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm trên Công thông tin một cửa quốc gia. Quy trình triển khai, tiếp nhận, trao đổi, phản hồi thông tin trên Công thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp hệ thống xử lý chuyên ngành chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính”. Hồ sơ gồm có:

a) Một (01) văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Một (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3b ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Một (01) trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung (nếu có); Giấy chứng nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; Văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường;

d) Một (01) trong các văn bản sau: Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương (nếu có);

đ) Hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm, chất thải phát sinh);

e) Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ của cơ sở (trường hợp báo cáo không có kết quả giám sát môi trường đối với các công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu thì phải bổ sung);

g) Một (01) mẫu phế liệu nhập khẩu và kết quả phân tích do tổ chức giám định hoặc tổ chức có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phù hợp với các chỉ tiêu cần phân tích thực hiện;

h) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).”.

9. Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Trước khi làm thủ tục xếp, dỡ phế liệu xuống cảng thuộc lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam đối với từng lô hàng phế liệu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức, cá nhân và cơ quan hải quan cửa khẩu nhập (bằng ban fax hoặc thư điện tử).

Chỉ cho phép xếp, dỡ phế liệu xuống cảng thuộc lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu xuất trình đầy đủ các văn bản, gồm: Giấy xác nhận (bản sao) còn hiệu lực; văn bản thông báo về lô hàng phế liệu

nhập khẩu để kiểm tra, thông quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này (bản sao) còn hiệu lực.”

10. Bổ sung Khoản 7 Điều 13 như sau:

“7. Gửi Tổng cục Hải quan, đăng tải trên Công thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công thông tin một cửa Quốc gia Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Quyết định thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Văn bản chấp thuận nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất trong thời hạn (03) ngày làm việc, kể từ ngày cấp, ban hành.

11. Bổ sung Khoản 5 Điều 14 như sau:

Gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Hải quan; đăng tải trên Công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Công thông tin một cửa Quốc gia Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Quyết định thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trong thời hạn (03) ngày làm việc, kể từ ngày cấp, ban hành.

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

1. Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 2.

2. Bãi bỏ cụm từ “trên cơ sở xác nhận đăng ký nhập khẩu của Bộ Tài nguyên và Môi trường” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 và cụm từ “được thực hiện trên cơ sở đăng ký của thương nhân có xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại điểm d khoản 3 Điều 2.

3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 4.

4. Bãi bỏ “đơn đăng ký nhập khẩu các chất HCFC đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận: một (01) bản chính” tại điểm a khoản 2 Điều 4.

5. Bãi bỏ Điều 5.

6. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6.

7. Bãi bỏ điểm a Khoản 2 Điều 6.

8. Bãi bỏ cụm từ “nhập khẩu polyol trộn sẵn HCFC-141b”, cụm từ “và Bộ Tài nguyên và Môi trường”, cụm từ “theo xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Điều 8.

9. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” trong phần Kính gửi và cụm từ “Xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này.

10. Bãi bỏ Phụ lục IV và Phụ lục V của Thông tư liên tịch này.

11. Bãi bỏ cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” trong phần Kính gửi và cụm từ “và nhập khẩu polyol trộn sẵn HCFC-141b” tại Phụ lục VII của Thông tư liên tịch này.

Điều 3. Bãi bỏ một số nội dung của Thông tư liên tịch số 178/2015/TTLT-BTC-BNNPTNT-BTNMT-BYT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia

1. Bãi bỏ điểm b, c và d mục 3 Phụ lục I của Thông tư liên tịch này.
2. Bãi bỏ điểm b, c và d mục 3 Phụ lục II của Thông tư liên tịch này.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến thời điểm hết hiệu lực được ghi trên giấy xác nhận.

3. Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Công Thương văn bản thông báo về khối lượng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) phải kiểm soát của năm tiếp theo để xem xét cấp giấy phép nhập khẩu các chất HCFC.

Văn bản thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Trước ngày 15 tháng 3 hằng năm, Bộ Công Thương gửi văn bản thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả cấp giấy phép, lượng các chất ODS, polyol trộn sẵn HCFC-141b đã cấp phép, xác nhận nhập khẩu của năm trước (bao gồm thống kê tờ khai hải quan của từng chuyến hàng của thương nhân) để Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng cơ quan đầu mối quốc gia giám sát, tổng hợp và báo cáo lượng tiêu thụ các chất ODS và polyol trộn sẵn HCFC-141b của Việt Nam.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

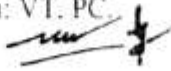
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ TNMT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Bộ Tư pháp: Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục KSTTHC;
- Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ TNMT;
- Lưu: VT, PC.



BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà